

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Tên môn: 23401207 - CCQ2307A - Giáo dục quốc phòng và an ninh
Giảng viên: Nguyễn Thành Quân - 234006

Số tín chỉ: 05

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP4		BP4		ĐQT (40%)	Ghi chú
						LT1	LT2	ĐL	BS		RL			
1	2123210022	Cao Ngọc Thúy	An	08/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.3	6.8	7.0	4.0	4.0	7.0	7.0	6.0	
2	2123210043	Nguyễn Thiện	Ân	24/05/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.0	7.8	8.0	8.3	8.3	9.0	9.0	8.3	
3	2123210004	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	24/06/2000	Công nghệ thực phẩm A	7.5	7.5	7.5	9.7	9.7	7.0	7.0	8.0	
4	2123210068	Trịnh Thị Lan	Anh	08/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	7.3	6.8	9.3	9.3	8.0	8.0	8.0	
5	2123210051	Phạm Thái	Bảo	28/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.3	5.5	7.0	4.7	4.7	7.0	7.0	6.2	
6	2123210067	Nguyễn Chí	Cường	02/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.8	7.3	7.0	9.0	9.0	7.0	7.0	7.6	
7	2123210006	Nguyễn Quang	Dũng	22/06/2004	Công nghệ thực phẩm A								0.0	
8	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.3	5.5	7.0	8.7	8.7	7.0	7.0	7.2	
9	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	11/11/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.3	6.8	8.0	9.0	9.0	9.5	9.5	8.4	
10	2123210028	Nguyễn Hương	Giang	21/10/2005	Công nghệ thực phẩm A	8.5	7.0	7.3	9.3	9.3	7.0	7.0	7.9	
11	2123210038	Bùi Gia Bảo	Hân	13/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	4.5	6.3	8.0	9.3	9.3	9.5	9.5	8.1	
12	2123210057	Tô Thị Thanh	Hân	16/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.3	6.8	7.0	5.3	5.3	8.0	8.0	6.7	
13	2123210037	Đỗ Thị Như	Hoài	27/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	4.8	7.5	7.0	4.3	4.3	8.5	8.5	6.4	
14	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	19/12/2005	Công nghệ thực phẩm B	5.8	6.5	6.8	8.7	8.7	7.0	7.0	7.2	
15	2123210030	Nguyễn Tấn	Hoàng	17/08/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.8	7.8	6.8	5.0	5.0	7.0	7.0	6.5	
16	2123210013	Nguyễn Thị Diễm	Hương	29/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.0	7.5	
17	2123210025	Nguyễn Thị Ý	Hương	09/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.8	6.5	7.0	9.7	9.7	7.0	7.0	7.7	

18	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	31/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.3	7.3	7.3	5.0	5.0	7.0	7.0	6.5	
19	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	5.8	6.5	7.0	5.0	5.0	7.5	7.5	6.3	
20	2123210020	Nguyễn Bảo	Khang	05/04/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.5	7.5	7.0	7.3	7.3	7.0	7.0	7.1	
21	2123210058	Ngô Chí	Khanh	16/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.5	7.3	7.0	9.3	9.3	7.0	7.0	7.6	
22	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	03/07/2005	Công nghệ thực phẩm A	4.3	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	
23	2123210033	Trần Thị Mộng	Kiều	25/09/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.8	7.5	7.3	8.0	8.0	7.0	7.0	7.5	
24	2123210109	Huỳnh Thị Trúc	Linh	10/08/2005	Công nghệ thực phẩm A	4.3	5.5	7.0	4.7	4.7	7.0	7.0	5.7	
25	2123210012	Nguyễn Thị Kiều	Linh	18/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.3	6.8	7.3	8.3	8.3	8.5	8.5	7.7	
26	2123210046	Nguyễn Văn	Lộc	21/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	5.3	6.3	6.8	5.3	5.3	7.0	7.0	6.1	
27	2123210052	Đặng Thị Khánh	Ly	02/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.5	6.3	7.2	8.0	8.0	7.0	7.0	7.1	
28	2123210044	Nguyễn Thị Thanh	Ly	01/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	6.3	7.2	7.3	7.3	7.0	7.0	7.0	
29	2121130014	Nguyễn Triệu	Mẫn	15/11/2003	Công nghệ may A	7.8	7.5	7.2	5.3	5.3	7.0	7.0	6.7	
30	2123210047	Bùi Lục Quế	Minh	18/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.3	8.3	7.2	8.7	8.7	7.5	7.5	7.9	
31	2123210031	Trần Công	Minh	21/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.8	6.3	6.8	9.0	9.0	7.0	7.0	7.4	
32	2123210041	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.8	7.3	7.2	6.3	6.3	7.0	7.0	6.8	
33	2123210059	Nguyễn Thị Yến	My	07/10/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	7.3	7.0	8.7	8.7	8.0	8.0	7.8	
34	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.3	7.0	7.2	4.0	4.0	7.0	7.0	6.2	
35	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân	23/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.3	6.8	7.3	7.7	7.7	7.5	7.5	7.4	
36	2123210061	Nguyễn Như	Ngọc	14/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	4.0	7.3	7.3	9.0	9.0	9.0	9.0	7.8	
37	2123210050	Trần Minh	Ngọc	28/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.5	7.0	7.0	8.0	8.0	8.5	8.5	7.6	
38	2123210054	Đỗ Quỳnh	Như	17/04/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	6.8	7.2	5.0	5.0	7.0	7.0	6.4	
39	2123210039	Huỳnh Thị Kim	Như	12/02/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.8	8.8	7.0	10.0	10.0	9.0	9.0	8.8	
40	2123210018	Cao Hoàng	Oanh	12/08/2004	Công nghệ thực phẩm A	5.3	6.8	6.8	5.0	5.0	7.0	7.0	6.1	
41	2123210034	Lương Thu	Phương	09/09/2003	Công nghệ thực phẩm A	7.3	7.0	7.3	6.0	6.0	7.0	7.0	6.8	
42	2123210021	Nguyễn Thị Bích	Phương	18/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.8	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	
43	2123210070	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.5	7.0	7.0	7.3	7.3	7.0	7.0	7.0	
44	2123210008	Bùi Thanh	Quý	15/04/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.0	6.0	7.0	9.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
45	2123210055	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	6.8	8.0	8.3	8.3	9.5	9.5	8.2	
46	2123210005	Vũ Ngọc	Son	29/09/2000	Công nghệ thực phẩm A	6.3	7.8	7.0	6.7	6.7	7.0	7.0	6.9	
47	2123210024	Nguyễn Thanh	Thảo	02/11/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.5	7.5	7.2	9.3	9.3	7.0	7.0	7.7	

48	2123210023	Nguyễn Thị Kim	Thảo	13/09/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.8	7.5	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.2	
49	2123210040	Trần Thị Cẩm	Thu	18/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	6.8	7.8	9.7	9.7	9.5	9.5	8.6	
50	2123210036	Trần Thị Minh	Thư	09/10/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.0	8.0	7.2	6.7	6.7	7.0	7.0	6.9	
51	2123210019	Nguyễn Thị Minh	Thùy	29/07/2005	Công nghệ thực phẩm A	5.8	7.8	7.2	8.7	8.7	8.5	8.5	7.9	
52	2123210045	Nguyễn Thị Thu	Thùy	23/06/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.3	7.0	7.2	7.3	7.3	8.5	8.5	7.4	
53	2123210069	Vì Thị Thu	Thủy	28/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.0	7.5	7.3	5.3	5.3	7.0	7.0	6.5	
54	2123210048	Lê Thị Kiều	Tiên	04/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.8	6.3	7.2	4.3	4.3	8.0	8.0	6.4	
55	2123210145	Nguyễn Cẩm	Tiên	04/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	4.8	7.3	7.2	8.3	8.3	8.0	8.0	7.4	
56	2123210007	Lê Thị Bích	Trâm	20/10/2003	Công nghệ thực phẩm A	6.5	7.3	7.2	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
57	2123210011	Hồ Thị Ngọc	Trân	01/11/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.0	6.3	7.2	9.3	9.3	7.5	7.5	7.6	
58	2123210062	Đoàn Thị Thu	Trang	01/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	5.3	6.3	7.2	7.7	7.7	7.0	7.0	6.9	
59	2123210065	Lê Thị Huyền	Trang	16/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.0	7.5	8.0	8.7	8.7	9.5	9.5	8.5	
60	2121202001	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/06/2003	Quản trị xuất nhập khẩu B	8.8	7.8	7.3	8.7	8.7	9.5	9.5	8.6	
61	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.5	7.3	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
62	2123210060	Trần Thị Huyền	Trang	24/06/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.3	6.8	7.2	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	
63	2123210071	Ngô Thùy	Trinh	26/12/2005	Công nghệ thực phẩm B	5.3	7.5	7.2	9.0	9.0	7.0	7.0	7.4	
64	2123210016	Nguyễn Thanh	Trúc	13/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	5.5	6.8	7.2	8.7	8.7	7.0	7.0	7.3	
65	2123210009	Nguyễn Phạm Ngọc	Tuyền	24/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	5.8	7.8	7.2	5.0	5.0	8.0	8.0	6.7	
66	2123210066	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	26/10/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	8.5	7.2	9.0	9.0	8.0	8.0	8.1	
67	2123210063	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	18/08/2005	Công nghệ thực phẩm B	5.5	6.0	7.0	5.0	5.0	7.0	7.0	6.1	
68	2123210042	Trần Tường	Vy	03/11/2004	Công nghệ thực phẩm B	7.8	6.3	7.0	8.3	8.3	7.0	7.0	7.4	

Tp. HCM, ngày ... tháng năm 2024.

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Tên môn: 23401207 - CCQ2307A - Giáo dục quốc phòng và an ninh
Giảng viên: Nguyễn Thành Quân - 234006

Số tín chỉ: 05

Mã MH	STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	1	2123210022	Cao Ngọc Thúy	An	08/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.0	6.0	6.0	
234012	2	2123210043	Nguyễn Thiện	Ân	24/05/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.3	6.2	7.1	
234012	3	2123210004	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	24/06/2000	Công nghệ thực phẩm A	8.0	6.8	7.3	
234012	4	2123210068	Trịnh Thị Lan	Anh	08/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.0	6.6	7.1	
234012	5	2123210051	Phạm Thái	Bảo	28/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.2	5.8	5.9	
234012	6	2123210067	Nguyễn Chí	Cường	02/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.6	5.4	6.3	
234012	7	2123210006	Nguyễn Quang	Dũng	22/06/2004	Công nghệ thực phẩm A	0.0	0.0	0.0	
234012	8	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.2	6.4	6.7	
234012	9	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	11/11/2005	Công nghệ thực phẩm A	8.4	8.4	8.4	
234012	10	2123210028	Nguyễn Hương	Giang	21/10/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.9	6.6	7.1	
234012	11	2123210038	Bùi Gia Bảo	Hân	13/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.1	7.2	7.5	
234012	12	2123210057	Tô Thị Thanh	Hân	16/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.7	6.0	6.3	
234012	13	2123210037	Đỗ Thị Như	Hoài	27/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.4	7.0	6.8	
234012	14	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	19/12/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.2	7.2	7.2	
234012	15	2123210030	Nguyễn Tấn	Hoàng	17/08/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.5	6.6	6.5	
234012	16	2123210013	Nguyễn Thị Diễm	Hương	29/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.5	6.6	6.9	
234012	17	2123210025	Nguyễn Thị Ý	Hương	09/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.7	6.8	7.1	

234012	18	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	31/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.5	6.2	6.3	
234012	19	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.3	6.6	6.5	
234012	20	2123210020	Nguyễn Bảo	Khang	05/04/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.1	6.0	6.4	
234012	21	2123210058	Ngô Chí	Khanh	16/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.6	5.8	6.5	
234012	22	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	03/07/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.6	6.8	6.7	
234012	23	2123210033	Trần Thị Mộng	Kiều	25/09/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.5	7.0	7.2	
234012	24	2123210109	Huỳnh Thị Trúc	Linh	10/08/2005	Công nghệ thực phẩm A	5.7	6.4	6.1	
234012	25	2123210012	Nguyễn Thị Kiều	Linh	18/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.7	6.4	6.9	
234012	26	2123210046	Nguyễn Văn	Lộc	21/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.1	7.0	6.7	
234012	27	2123210052	Đặng Thị Khánh	Ly	02/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.1	5.6	6.2	
234012	28	2123210044	Nguyễn Thị Thanh	Ly	01/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	5.8	6.3	
234012	29	2121130014	Nguyễn Triệu	Mẫn	15/11/2003	Công nghệ may A	6.7	7.6	7.3	
234012	30	2123210047	Bùi Lục Quế	Minh	18/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.9	7.6	7.7	
234012	31	2123210031	Trần Công	Minh	21/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.4	6.4	6.8	
234012	32	2123210041	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.8	6.0	6.3	
234012	33	2123210059	Nguyễn Thị Yên	My	07/10/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.8	6.6	7.1	
234012	34	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.2	7.4	6.9	
234012	35	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân	23/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.4	7.0	7.2	
234012	36	2123210061	Nguyễn Như	Ngọc	14/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.8	7.0	7.3	
234012	37	2123210050	Trần Minh	Ngọc	28/01/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.6	6.4	6.9	
234012	38	2123210054	Đỗ Quỳnh	Như	17/04/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.4	6.6	6.5	
234012	39	2123210039	Huỳnh Thị Kim	Như	12/02/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.8	7.8	8.2	
234012	40	2123210018	Cao Hoàng	Oanh	12/08/2004	Công nghệ thực phẩm A	6.1	6.0	6.0	
234012	41	2123210034	Lương Thu	Phương	09/09/2003	Công nghệ thực phẩm A	6.8	7.0	6.9	
234012	42	2123210021	Nguyễn Thị Bích	Phương	18/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.1	6.8	6.9	
234012	43	2123210070	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.0	6.6	6.8	
234012	44	2123210008	Bùi Thanh	Quý	15/04/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.3	7.2	7.2	
234012	45	2123210055	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.2	7.8	8.0	
234012	46	2123210005	Vũ Ngọc	Son	29/09/2000	Công nghệ thực phẩm A	6.9	6.6	6.7	
234012	47	2123210024	Nguyễn Thanh	Thảo	02/11/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.7	6.8	7.2	

234012	48	2123210023	Nguyễn Thị Kim	Thảo	13/09/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.2	6.8	7.0	
234012	49	2123210040	Trần Thị Cẩm	Thu	18/03/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.6	8.2	8.3	
234012	50	2123210036	Trần Thị Minh	Thư	09/10/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.9	6.8	6.9	
234012	51	2123210019	Nguyễn Thị Minh	Thùy	29/07/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.9	7.2	7.5	
234012	52	2123210045	Nguyễn Thị Thu	Thùy	23/06/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.4	5.6	6.3	
234012	53	2123210069	Vi Thị Thu	Thủy	28/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.5	6.6	6.6	
234012	54	2123210048	Lê Thị Kiều	Tiên	04/09/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.4	6.6	6.5	
234012	55	2123210145	Nguyễn Cẩm	Tiên	04/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.4	7.6	7.5	
234012	56	2123210007	Lê Thị Bích	Trâm	20/10/2003	Công nghệ thực phẩm A	7.3	7.8	7.6	
234012	57	2123210011	Hồ Thị Ngọc	Trân	01/11/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.6	6.0	6.6	
234012	58	2123210062	Đoàn Thị Thu	Trang	01/11/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.9	5.4	6.0	
234012	59	2123210065	Lê Thị Huyền	Trang	16/07/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.5	7.2	7.7	
234012	60	2121202001	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/06/2003	Quản trị xuất nhập khẩu B	8.6	7.6	8.0	
234012	61	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.0	7.8	7.5	
234012	62	2123210060	Trần Thị Huyền	Trang	24/06/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.2	6.8	6.9	
234012	63	2123210071	Ngô Thùy	Trinh	26/12/2005	Công nghệ thực phẩm B	7.4	6.4	6.8	
234012	64	2123210016	Nguyễn Thanh	Trúc	13/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	7.3	7.6	7.5	
234012	65	2123210009	Nguyễn Phạm Ngọc	Tuyền	24/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	6.7	7.6	7.2	
234012	66	2123210066	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	26/10/2005	Công nghệ thực phẩm B	8.1	8.4	8.3	
234012	67	2123210063	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	18/08/2005	Công nghệ thực phẩm B	6.1	6.6	6.4	
234012	68	2123210042	Trần Tường	Vy	03/11/2004	Công nghệ thực phẩm B	7.4	6.4	6.8	

Tp. HCM, ngày ... tháng năm 2024.

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân